TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Quang Toán;

Ông Nguyễn Đức Nhâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-DS, ngày 27/6/2022 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS, ngày 17/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng;

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn N Hg, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc: Ông Cao Minh T – Chức vụ Giám đốc chi nhánh (Theo văn bản ủy quyền số 2965 ngày 27/12/2019).

Người đại diện theo ủy quyền (Do ông Cao Mịnh T ủy quyền): Bà Ma Thị Minh H – Chức vụ Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh. (Theo văn bản ủy quyền số 277 ngày 27/6/2022)

2. Bị đơn:

- Chị **Vương Thị S;**

Địa chỉ: Thôn N S, xã S Ph, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh **Đào Văn L;**

Địa chỉ ĐKNKTT: Thôn N S, xã S Ph, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đang ở: Thôn T K, xã Kh T, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Nguyên đơn có mặt;

Bị đơn: Anh L có mặt; Chị S vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trình bày tại phiên toà – Ngân hàng (do bà Ma Thị Minh H) trình bày:

Ngày 01/8/2019, Ngân hàng cấp tín dụng cho chị Vương Thị S và anh Đào Văn L số tiền là 123.000.000 đ (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng)* theo Hợp đồng tín dụng số 8105LAV201901990 (Sau đây gọi là Hợp đồng); thời hạn vay: 36 tháng (Đã quá hạn trả gốc phân kỳ ngày 02/8/2021 số tiền: 50.000.000 đồng; Đến ngày 16 tháng 5 năm 2022 số tiền quá hạn: 49.988.219 đồng); Lãi suất: 10%/năm; Lãi suất với dư nợ gốc qúa hạn là 150% của lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả 10%/ năm,

Tính đến ngày 27/9/2022, tổng dư nợ của khách hàng Bà Vương Thị S và Ông Đào Văn L tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Ngân hàng là 152.707.922 đ, trong đó:

Nợ gốc là 122.988.219đ.

Nợ lãi trong hạn là 26.379.221đ.

Nợ lãi quá hạn là 3.349.482đ

Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện đôn đốc và có văn bản yêu cầu chị Vương Thị S và anh Đào Văn L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên Hợp đồng; giấy báo nợ đến hạn ngày 25/7/2021; thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 18/8/2021; biên bản làm việc ngày 13/02/2020; biên bản làm việc ngày 14/8/2020; biên bản làm việc ngày 09/11/2020; biên bản xử lý nợ quá hạn ngày 18/8/2021; Giấy mời số 639/2021/GM.KHKD ngày 14/9/2021; biên bản làm việc ngày 17/9/2021. Tuy nhiên, tính đến nay Bà Vương Thị S và Ông Đào Văn L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp Ngân hàng gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

Tuyên buộc Bà Vương Thị S và Ông Đào Văn L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 27/9/2022 là 152.707.922 đ, trong đó:

Nợ gốc là 122.988.219đ.

Nợ lãi trong hạn là 26.379.221đ.

Nợ lãi quá hạn là 3.349.482đ

Tuyên buộc chị Vương Thị S và anh Đào Văn L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8105LAV201901990/HĐTD ngày 01/8/2019, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Chị S và anh L trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Anh Đào Văn L trình bày tại phiên hòa giải, tại phiên tòa: Xác định việc Ngân hàng tính nợ của anh đến ngày 19/7/2022 nợ gốc 122.988.219đ, nợ lãi trong hạn 24.011.543đ và lãi qúa hạn là 2.300.142đ là đúng. Tính đến ngày 27/9/2022 còn nợ tổng 152.707.992 là đúng

Anh nhận trả 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày xét xử. Để Chị S trả tiền gốc 22.988.219 đ và các khoản tiền lãi.

Chị Vương Thị S trình bày tại biên bản lấy lời khai: Chị có đi đến Ngân hàng ở thị trấn N H để làm hồ sơ vay tiền. Việc vay là vào tháng 8/2019. Vay là vay đảo sổ cho anh L. Sau khi vay vài tháng thì có cán bộ Ngân hàng đến nhắc chị trả lãi. Về việc Ngân hàng đòi nợ, hiện nay anh L đã đi ở với người phụ nữ khác. Chị đề nghị anh L phải trả toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn là anh Đào Văn L chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 và Điều 72 BLTTDS.

Bị đơn là chị Vương Thị S không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70 và 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; Chị Vương Thị S và anh Đào Văn L được miễn án phí; Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng đã nộp: Giấy uỷ quyền của anh L cho Chị S; Bản Phương án sử dụng vốn kiêm Báo cáo đề xuất cho vay; Hợp đồng tín dụng ngày 01/8/2019; Biên bản kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay; Thông báo điều chỉnh giảm lãi suất cho vay; Giấy báo nợ đến hạn ngày 25/7/2021; Giấy báo nợ qúa hạn ngày 18/8/2021; Biên bản kiểm tra xử lý nợ quá hạn ngày 18/8/2021; Biên bản làm việc các ngày 13/02/2020, 14/8/2020, 09/11/2020, 17/9/2021; Giấy mời ngày 14/9/2021; Giấy ủy quyền của Tổng Giám đốc; Giấy ủy quyền của Giám đốc chi nhánh.

Tòa án thu thập các tài liệu: Lấy lời khai chị Vương Thị S.

Các đương sự không thống nhất với nhau về việc trả tiền vay do bị đơn là bà Vương Thị S không đến Tòa án để hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Chị Vương Thị S, anh Đào Văn L đều cư trú tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Ngân hàng kiện đòi tiền nợ từ hợp đồng tín dụng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 26, 35 và Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án thụ lý vụ án, tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tống đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng chỉ có anh L và đại diện Ngân hàng đến làm việc, còn Chị S không có mặt theo thời gian, địa điểm theo thông báo nên vụ án không hòa giải được giữa Ngân hàng và Chị S.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến ngày, giờ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Chị S vắng mặt nên Tòa án ra

Quyết định hoãn phiên tòa. Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo hoãn phiên toà cho các đương sự. Chị S vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 207, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Trên cơ sở tự do, tự nguyện, ngày 01/8/2019 chị Vương Thị S cùng anh Đào Văn L (Anh L ủy quyền cho Chị S) vay của Ngân hàng số tiền gốc là 123.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 10%/ năm, lãi suất với dư nợ gốc qúa hạn là 150% của lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả 10%/ năm. Hạn trả nợ gốc phân kỳ: Ngày 01/8/2021 trả 50.000.000đ; Ngày 01/8/2022 trả 73.000.000đ; Hạn trả lãi 12 tháng/kỳ.

Hợp đồng vay được lập theo quy định của Điều 463 Bộ luật dân sự; Điều 90 và 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 01/8/2021 anh L, Chị S không trả tiền gốc theo phân kỳ. Chị S, anh L đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng.

Về tính lãi suất: Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng thì tiền lãi được tính như sau:

Lãi trong hạn:

- Từ ngày 21/7/2020 – 20/9/2020:

123.000.000đ x 62 ngày x 10%/365 ngày = 2.089.315đ;

- Từ ngày 21/9/2020 – 20/7/2021:

122.988.219đ x 303 ngày x 10%/365 ngày = 10.209.707đ;

- Từ ngày 21/7/2021 – 31/12/2021:

122.988.219đ x 164 ngày x 9%/365 ngày = 4.973.441đ;

- Từ ngày 01/01/2022 – 31/12/2021:

122.988.219đ x 270 ngày x 10%/365 ngày = 9.097.758đ.

Lãi quá hạn:

- Từ ngày 03/8/2021 – 31/12/2021:

49.988.219đ x 151 ngày x 9%/2/365 ngày = 930.603đ;

- Từ ngày 01/01/2022 – 01/8/2022:

49.988.219đ x 213 ngày x 10%/2/365 ngày = 1.458.560đ.

- Từ ngày 02/8/2022 – 27/9/2022:

122.988.219đ x 57 ngày x 10%/2/365 ngày = 960.319đ.

Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Buộc chị Vương Thị S và anh Đào Văn L có nghĩa vụ lên đới phải trả tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng tổng là 152.707.922đ theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng.

Anh L nhận trả 100.000.000đ tiền gốc. Đại diện Ngân hàng nhất trí do đó xử Anh L phải trả Ngân Hàng 100.000.000đ tiền gốc. Chị S phải trả Ngân hàng 22.998.219 đ tiền gốc, 29.719.703đ tiền lãi.

Kể từ ngày tuyên án chị Vương Thị S và anh Đào Văn L còn phải tiếp tục trả tiền lãi được quy định trong hợp đồng theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2029 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4]. Án phí:

Anh Đào Văn L và chị Vương Thị S đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5]. Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng các Điều 275, 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng'; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đòi tiền cho chị Vương Thị S và anh Đào Văn L vay.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Vương Thị S và anh Đào Văn L phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 27/9/2022 là 152.707.922 đ(Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm linh bảy nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) trong đó: Nợ gốc là 122.988.219 đồng; Nợ lãi trong hạn là 26.719.703 đồng; Nợ lãi quá hạn là 3.349.482 đồng.

Chia theo phần:

Anh Đào Văn L phải trả cho Ngân hàng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền vay gốc.

Chị Vương Thị S phải trả cho Ngân hàng tổng là 52.707.922đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm linh bảy nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) trong đó 22.988.219 đồng tiền vay gốc; tiền lãi trong hạn là 26.370.221 đồng tiền lãi trong hạn và 3.349.482 đồng tiền lãi quá hạn.

Anh Đào Văn L, chị Vương Thị S phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8105LAV201901990/HĐTD ngày

01/8/2019, kể từ ngày 28/9/2022 cho đến ngày thực tế anh Đào Văn L, chị Vương Thị S trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Án phí:

- Anh Đào Văn L, chị Vương Thị S được miễn án phí.

- Ngân hàng không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng số tiền Tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.684.200đ *(Ba triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn hai trăm đồng)* theo biên lai thu số: 0005003 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; anh Đào Văn L có quyền háng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vương Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự"./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện Na Hang;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Thành

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang Toán **Nguyễn Đức Nhâm** **Phan Anh Thành**